TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 127/2021/QĐST-HNGĐ	*TP.Thái Bình, ngày 02 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu đô thị A, tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh **Hà Đăng N1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu đô thị A, tổ B, phường Hưng, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh N1 và sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là do vợ chồng không hợp tính cách của nhau sau đó là do anh N1 có người phụ nữ khác. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng mà tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã 2 lần nộp đơn ra Tòa án và được Tòa

hòa giải, anh chị đã về chung sống với nhau. Nhưng nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên anh chị đã cùng nhau bàn bạc và đi đến thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho chị N và anh N1.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 có hai con chung là Hà Chí D, sinh ngày 25/12/2015 và Hà Đức T, sinh ngày 26/8/2017. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Hà Chí D và Hà Đức T, anh Hà Đăng N1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Hà Đăng N1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên đây của chị N và anh N1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Chí D, sinh ngày 25/12/2015 và Hà Đức T, sinh ngày 26/8/2017. Anh Hà Đăng N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Hà Đăng N1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000262 ngày 20/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị N và anh Hà Đăng N1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/02/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương